

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28-10-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan.

2/ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 365/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 434/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: Tổ N, ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:*

Anh P và chị D chung sống như vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và được cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 09 ngày 29/3/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên anh P làm đơn xin giải quyết ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016. Anh P xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N vì cháu hiện sống với anh P, anh P có nhà cửa của cha mẹ, có nghề nghiệp làm công nhân có thu nhập đủ khả năng chăm sóc con, mỗi ngày anh đi làm thì có gia đình trông giữ cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Đối với yêu cầu ly hôn của anh P thì chị D đồng ý vì mâu thuẫn không hàn gắn được.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016. Chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N vì cháu N là con gái, chỉ mới hơn 03 tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ trong sinh hoạt của cháu hiện tại và cả sau này; chị D có nghề nghiệp là công nhân có thu nhập ổn định; trước đây khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp chăm sóc cháu vì cháu theo chị sống và đi học tại Bình Dương, hiện chị và gia đình chị sống tại Bình Dương, mỗi ngày chị đưa đón cháu đi học mầm non, anh P xin cho cháu về thăm bên nội vài ngày sau đó giữ cháu cho đến nay, không cho chị đón cháu rồi làm đơn ly hôn và giành quyền nuôi con.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 365/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P: Cho anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Thanh P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 22/6/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn chị Nguyễn Thị D đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016 cho anh P nuôi dưỡng; hai bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Cháu Diễm N hiện đang chung sống với anh P và học tại Trường Mẫu giáo T, anh P có nhà cửa ổn định, chị D ở tại Bình Dương là ở nhà trọ, nơi cư trú không ổn định và tại phiên tòa phúc thẩm chị D đồng ý giao cháu N cho anh P nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, giao cháu N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh P có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung với chị Nguyễn Thị D. Chị D có hộ khẩu tại thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh P: Anh P và chị D đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh chị đồng ý và không kháng cáo về tình cảm. Về vấn đề nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016: Xét điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu N giữa anh P và chị D đều có đủ điều

kiện. Tuy nhiên, khi anh P và chị D ly hôn, cháu N chỉ phải sống với mẹ hoặc cha đã là sự thiệt thòi cho cháu, do đó giao cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo bù đắp được cho cháu sự thiệt thòi. Cháu N hiện mới hơn bốn tuổi, đang trong lứa tuổi phát triển về mặt thể chất và tinh thần, cần môi trường tốt nhất về thể chất và tinh thần cho cháu. Hiện nay cháu N đang sống trực tiếp với anh P và đang đi học tại Trường Mầm non T theo xác nhận của Hiệu trưởng Trường Mầm non T ngày 19/10/2020. Anh P là con trai duy nhất và đang sống với cha và mẹ, nếu giao cháu N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng thì cháu được sống trong môi trường thân thiện, đông vui vì được sống cùng với cha và ông bà nội tốt hơn về mặt tinh thần cho cháu và để ổn định không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu. Còn giao cho chị D nuôi dưỡng, cháu sống cùng mẹ ở nhà trọ tại tỉnh Bình Dương, còn quê và cha mẹ chị D sống tại tỉnh Kiên Giang, môi trường sống trên không ổn định, trong khi cháu đang trong giai đoạn phát triển thể chất và tinh thần. Chị D thừa nhận cháu N đang trực tiếp sống với anh P và ông bà nội từ tháng 11/2019 cho đến nay, thời gian cũng gần một năm cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D cũng thừa nhận về điều kiện nhà cửa thì anh P tốt hơn chị. Gần một năm nay cháu đã ổn định về mặt tâm lý, quen với cuộc sống hiện tại, để tiếp tục ổn định cuộc sống cho bé, đồng thời tránh xáo trộn về mặt tâm lý cho trẻ con, giúp cho bé Ngọc có được cuộc sống ổn định để cho bé phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, do đó giao cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là tốt hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D đồng ý giao cháu N cho anh P nuôi dưỡng. Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi dưỡng con chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 365/2020/HNGĐ-ST ngày 19/6/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P: Cho anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị D giao cháu Nguyễn Thị Diễm N, sinh ngày 26/10/2016 cho anh Nguyễn Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn; chị Nguyễn Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh P không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0002582 ngày 27/4/2020 và số 0002922 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như anh P đã thi hành xong phần án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền